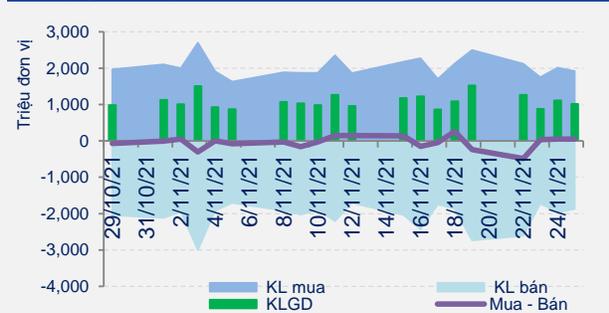


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,500.81	459.67
% Thay đổi	↑ 0.80%	↑ 0.90%
KLGD (CP)	1,014,559,042	123,236,667
GTGD (tỷ đồng)	31,837.59	3,408.09
Tổng cung (CP)	1,873,521,900	169,811,000
Tổng cầu (CP)	1,921,777,800	152,804,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	60,168,454	1,017,620
KL mua (CP)	37,440,086	529,636
GT mua (tỷ đồng)	1,523.36	22.84
GT bán (tỷ đồng)	2,479.89	44.79
GT ròng (tỷ đồng)	(956.54)	(21.95)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.18%	24.4	3.9	2.6%
Công nghiệp	↑ 1.40%	24.2	3.2	12.4%
Dầu khí	↑ 1.30%	19.0	2.0	1.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.38%	-	6.1	2.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.57%	17.7	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.11%	23.4	4.1	10.5%
Ngân hàng	↑ 0.26%	12.5	2.5	20.8%
Nguyên vật liệu	↑ 1.25%	11.5	2.7	14.5%
Tài chính	↑ 1.26%	20.2	3.5	33.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.66%	16.5	2.7	1.7%
VN - Index	↑ 0.80%	17.6	3.0	
HNX - Index	↑ 0.90%	25.1	4.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index tăng 11,94 điểm (+0,8%) lên 1.500,81 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 306 mã tăng, 56 mã tham chiếu, 191 mã giảm. HNX-Index tăng 4,09 điểm (+0,9%) lên 459,67 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 143 mã tăng, 59 mã tham chiếu, 126 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.060 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 32.314 tỷ đồng. Các cổ phiếu vốn hoá lớn thuộc nhóm VN30 (+0,46%) giao dịch khá tích cực với 17/30 mã tăng giá giúp cho thị trường đóng cửa trên ngưỡng 1.500 điểm, có thể kể đến các cổ phiếu như PDR (+4,2%), SSI (+3,4%), NVL (+2,4%), VCB (+2,2%), FPT (+2,1%), VPB (+1,9%), PLX (+1,8%), POW (+1,8%), GVR (+1,6%), HPG (+1,2%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh như TCH (+6,9%), DXG (+6,9%), FLC (+6,1%), KBC (+2,5%), ITA (+6,8%), NLG (+3,6%), DIG (+7%), CII (+4,3%), SCR (+3,7%), HDG (+4,4%), LDG (+6,8%), HQC (+2,4%)... Cổ phiếu chứng khoán tiếp tục có một phiên giao dịch tích cực với hàng loạt mã tăng mạnh, có thể kể đến SSI (+3,4%), SHS (+4,3%), VCI (+4,1%), HCM (+0,8%), ORS (+2,2%)... Nhóm ngân hàng có sự phân hoá khi nhiều mã tăng trong vài phiên trước gặp áp lực chốt lời và kết phiên trong sắc đỏ như TCB (-1,1%), LPB (-0,2%), CTG (-0,7%), MSB (-1,4%), HDB (-3%), ACB (-0,6%), VIB (-0,3%), BID (-1,5%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp, qua đó giúp chỉ số VN-Index (+0,8%) và VN30 (+0,46%) tiếp tục chinh phục những mức đỉnh lịch sử mới. Tuy nhiên, thanh khoản phiên hôm nay lại có sự suy giảm cho thấy dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang di chuyển trong sóng tăng 5 và việc vượt qua ngưỡng tâm lý 1.500 điểm đã mở ra dư địa tăng mới cho thị trường. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 26/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ lần lượt là 1.460-1.465 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm khi thị trường test hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm đã chốt lời một phần danh mục nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong giai đoạn hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.505,36 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 11,94 điểm (+0,8%) lên 1.500,81 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 2.300 đồng, NVL tăng 2.600 đồng, VPB tăng 700 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 459,99 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 455,19 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,09 điểm (+0,9%) lên 459,67 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 3.700 đồng, SHS tăng 2.300 đồng, CEO tăng 3.500 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 700 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 949,94 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 23,4 triệu đơn vị. VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 346,2 tỷ đồng tương ứng với 9,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 195 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 72,6 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 21,92 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 488 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 20,1 tỷ đồng tương ứng với 519 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là THD với 5,8 tỷ đồng tương ứng với 23,8 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,1 tỷ đồng tương ứng với 148,6 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là chưa thực sự tốt và dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định ở vùng giá hiện tại.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên tăng điểm hôm nay thì chỉ số VN-Index (+0,8%) tiếp tục đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử và điều này tiếp tục củng cố xu hướng tăng thuộc sóng 5 của thị trường và khả năng để thị trường tiếp tục hướng target của sóng 5 theo lý thuyết là vùng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó) là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.460-1.465 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 26/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

World Bank: Kiêu hởi về Việt Nam năm nay có thể đạt 18,1 tỷ USD, đứng thứ 8 thế giới và thứ ba khu vực Đông Á – Thái Bình Dương

Theo báo cáo mới đây do Ngân hàng Thế giới World Bank (WB) và Tổ chức hợp tác quốc tế về người di cư KNOMAD công bố, dự báo kiêu hởi về Việt Nam tăng mạnh, đạt mức 18,1 tỷ USD năm 2021, đứng thứ 8 thế giới. Theo đó, lượng kiều hối tăng trưởng tích cực bất chấp Covid-19 hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế Việt Nam, nhất là giúp ổn định nguồn cung ngoại tệ.



TIN TRONG NƯỚC

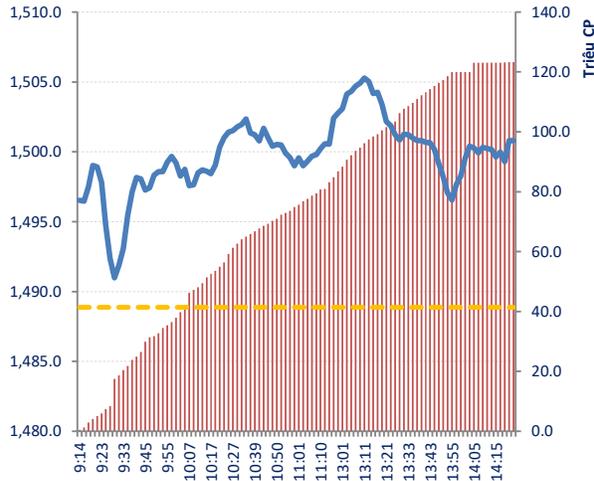
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,4 - 60,1 triệu đồng/lượng, không đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 25/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.147 VND/USD, tăng 6 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,75 USD/ounce tương ứng với 0,49% lên 1.793,05 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,139 điểm tương ứng 0,14% xuống 96,733 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1219 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3332 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,36 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,25 USD/thùng tương ứng với 0,32% xuống 78,14 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 24/11, Dow Jones giảm 9,42 điểm tương đương 0,03% xuống 35.804,38 điểm. Nasdaq tăng 70,09 điểm tương đương 0,44% lên 15.845,23 điểm. Nasdaq Composite tăng 10,76 điểm tương đương 0,23% lên 4.701,46 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



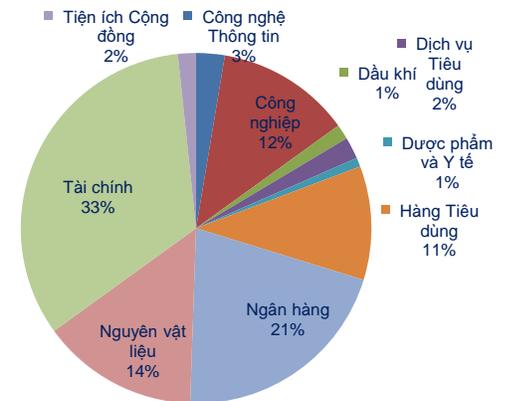
KLGD và HNX-Index trong phiên



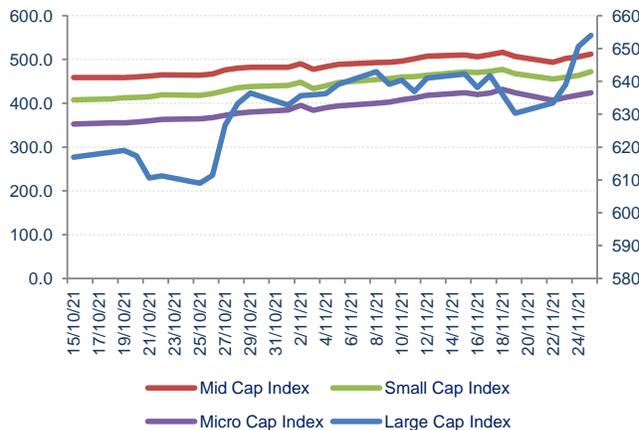
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



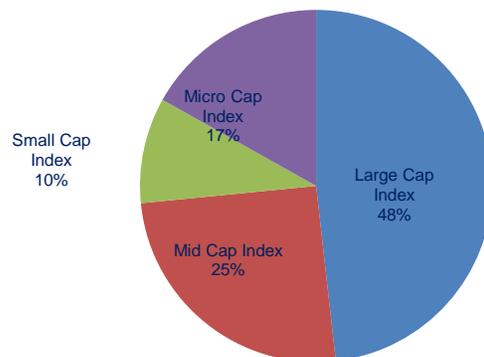
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,359,200	VPB	9,100,000
2	CTG	1,625,200	TCH	4,651,000
3	OCB	1,171,300	HPG	3,973,300
4	KBC	960,200	DXG	3,235,600
5	KDH	622,400	HCM	1,544,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	148,600	CEO	519,000
2	TDN	70,500	NVB	149,100
3	NDN	33,200	ART	73,200
4	BVS	30,800	API	30,000
5	PSI	25,000	KLF	26,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	37.30	38.00	↑ 1.88%	35,369,399
FLC	14.80	15.70	↑ 6.08%	35,333,400
TCH	22.50	24.05	↑ 6.89%	32,436,200
STB	30.45	30.65	↑ 0.66%	28,507,400
VIX	33.00	33.50	↑ 1.52%	27,729,035

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	14.90	15.30	↑ 2.68%	16,681,218
SHS	53.20	55.50	↑ 4.32%	12,024,326
ART	15.40	15.90	↑ 3.25%	7,281,112
KLF	5.90	6.20	↑ 5.08%	6,278,256
PVS	26.20	26.20	→ 0.00%	5,835,628

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ABS	25.00	26.75	1.75	↑ 7.00%
HPX	35.80	38.30	2.50	↑ 6.98%
BSI	46.50	49.75	3.25	↑ 6.99%
DIG	63.10	67.50	4.40	↑ 6.97%
TSC	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTZ	11.50	14.90	3.40	↑ 29.57%
L14	237.00	260.70	23.70	↑ 10.00%
MCO	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
SDA	63.00	69.30	6.30	↑ 10.00%
TXM	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAV	28.60	26.60	-2.00	↓ -6.99%
LGC	53.00	49.40	-3.60	↓ -6.79%
PNC	14.15	13.20	-0.95	↓ -6.71%
TCR	7.30	6.82	-0.48	↓ -6.58%
SMA	12.20	11.40	-0.80	↓ -6.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PRC	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
KST	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
VNT	80.00	72.00	-8.00	↓ -10.00%
CKV	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
THS	20.10	18.10	-2.00	↓ -9.95%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	286.89	8.6%	1,978	22.5	1.8
LPB	266.93	17.7%	2,240	10.9	1.8
HPG	254.61	44.7%	7,085	6.9	2.6
VPB	249.98	21.2%	2,772	13.5	2.7
TCH	116.22	5.6%	1,250	18.0	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-89.05	13.1%	1,967	7.5	1.1
STB	-81.44	11.1%	1,864	16.3	1.7
CTG	-65.43	18.1%	3,439	10.3	1.8
KBC	-50.98	6.0%	1,547	31.4	1.8
APH	-43.26	1.6%	453	90.5	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BVH	3.97	8.6%	2,461	25.5	2.1
FLC	3.72	13.1%	1,967	7.5	1.1
FUEVFVND	3.35	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	1.42	34.3%	4,895	16.6	3.7
CTG	1.40	18.1%	3,439	10.3	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-154.18	21.3%	4,965	11.2	2.2
HCM	-74.97	19.2%	2,732	17.3	3.0
TCH	-30.08	5.6%	1,250	18.0	1.2
HDG	-14.34	17.6%	4,942	13.9	2.3
HNG	-11.34	0.7%	51	162.3	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	127.97	38.3%	8,968	9.3	3.0
VPB	95.85	21.2%	2,772	13.5	2.7
FLC	82.61	13.1%	1,967	7.5	1.1
VIC	55.44	2.9%	1,111	84.7	2.2
MSN	53.76	8.4%	2,032	77.2	5.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-263.05	8.6%	1,978	22.5	1.8
LPB	-259.60	17.7%	2,240	10.9	1.8
VIX	-95.89	37.3%	4,269	7.7	1.9
FPT	-85.95	20.4%	4,436	22.1	4.4
HII	-70.56	11.3%	1,851	11.3	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	154.18	21.3%	4,965	11.2	2.2
STB	72.96	11.1%	1,864	16.3	1.7
VCB	59.29	20.4%	5,696	18.4	3.5
CTG	56.16	18.1%	3,439	10.3	1.8
KBC	47.99	6.0%	1,547	31.4	1.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-345.83	21.2%	2,772	13.5	2.7
HPG	-193.51	44.7%	7,085	6.9	2.6
MSN	-144.20	8.4%	2,032	77.2	5.7
VHM	-92.70	38.3%	8,968	9.3	3.0
DXG	-89.99	7.5%	1,406	19.0	1.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	35,369,399	21.2%	2,772	13.5	2.7
FLC	35,333,400	3250.0%	1,967	7.5	1.1
TCH	32,436,200	5.6%	1,250	18.0	1.2
STB	28,507,400	11.1%	1,864	16.3	1.7
VIX	27,729,035	37.3%	4,269	7.7	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	16,681,218	-9.9%	(1,066)	-	1.4
SHS	12,024,326	25.5%	3,229	16.5	2.5
ART	7,281,112	0.3%	32	487.1	1.3
KLF	6,278,256	0.1%	6	970.9	0.6
PVS	5,835,628	4.6%	1,238	21.2	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ABS	↑ 7.0%	6.5%	759	33.0	2.2
HPX	↑ 7.0%	8.9%	1,082	33.1	2.9
BSI	↑ 7.0%	17.7%	2,241	20.8	3.4
DIG	↑ 7.0%	13.1%	1,527	41.3	4.8
TSC	↑ 7.0%	5.9%	770	20.5	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTZ	↑ 29.6%	N/A	N/A	N/A	N/A
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	119.3	14.4
MCO	↑ 10.0%	0.3%	35	225.9	0.6
SDA	↑ 10.0%	3.3%	243	258.9	8.5
TXM	↑ 10.0%	-1.3%	(220)	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,359,200	11.1%	1,864	16.3	1.7
CTG	1,625,200	18.1%	3,439	10.3	1.8
OCB	1,171,300	23.9%	3,308	9.1	1.6
KBC	960,200	6.0%	1,547	31.4	1.8
KDH	622,400	13.4%	1,893	24.8	3.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	148,600	25.5%	3,229	16.5	2.5
TDN	70,500	16.5%	2,173	7.1	1.2
NDN	33,200	28.9%	3,986	5.9	1.6
BVS	30,800	12.1%	3,244	13.5	1.5
PSI	25,000	2.9%	300	69.6	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	388,690	20.4%	5,696	18.4	3.5
VHM	364,461	38.3%	8,968	9.3	3.0
VIC	358,071	2.9%	1,111	84.7	2.2
HPG	217,608	44.7%	7,085	6.9	2.6
GAS	197,137	16.9%	4,384	23.5	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	84,280	25.2%	4,694	51.3	14.6
IDC	25,230	11.8%	1,805	46.6	5.4
KSF	21,570	8.8%	768	93.6	3.6
VCS	19,456	41.5%	11,163	10.9	4.1
BAB	19,054	8.6%	979	25.8	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HAI	2.65	0.7%	87	75.5	0.6
DAH	2.56	0.1%	11	976.5	1.1
SCR	2.54	5.5%	740	23.8	1.3
DRH	2.22	2.1%	292	65.9	1.4
VOS	2.21	54.5%	2,573	7.7	3.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	2.34	2.9%	300	69.6	2.0
APS	2.33	22.8%	1,768	30.2	4.8
KLF	2.32	0.1%	6	970.9	0.6
CEO	2.14	-4.7%	(606)	-	2.8
HHG	2.08	-26.1%	(1,987)	-	1.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
